

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 18 /2019/DSST
Ngày 25 tháng 10 năm 2019
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp, ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nhữ Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn QT 1, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông N có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Văn K sinh năm 1952, bà Bùi Thị Th sinh năm 1955. Địa chỉ: thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông K, bà Th vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Đức L (tên gọi khác Bùi Văn L), sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông L vắng mặt.

+ Bà Trần Thị A, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà A vắng mặt

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm 1999. Địa chỉ: thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh T vắng mặt

+ Anh Bùi Văn Ph, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh Ph vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nhữ Văn N trình bày:**

Ngày 01/4/2015, vợ chồng của ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Th vay của ông Nhữ Văn N số tiền 30.000.000đồng, thời hạn trả 12 tháng. Quá thời hạn trả cho đến nay vợ chồng ông K, bà Th vẫn chưa trả cho ông N khoản tiền nào, mặc dù ông N đã đòi nhiều lần. Ông N yêu cầu vợ chồng ông K, bà Th phải trả cho ông N số tiền 54.500.000đồng, bao gồm 30.000.000đồng tiền gốc và 24.500.000đồng tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tạm tính từ ngày 02/4/2016 đến ngày 02/5/2019 và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa ông N yêu cầu vợ chồng ông K, bà Th phải trả lãi từ ngày 01/4/2016 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10.677.000đồng, theo mức lãi suất 10%/năm. Ông N rút yêu cầu đòi với tiền lãi 13.823.000đồng. Ông N đồng ý trả lại cho vợ chồng ông K GCNQSDĐ U 017758 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Bùi Văn L.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:** Năm 2015, bà Th vay tiền của ông Nam 02 lần: 01 lần vay 26.700.000đồng và 01 lần 3.300.000đồng để tiêu dùng và đầu tư mía, khi vay chỉ có bà Th và ông N viết giấy tờ, khi vay bà Th có nói với ông K. Hiện nay bà Th đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương. Ông K đồng ý trả cho ông N 30.000.000đồng tiền gốc và 24.500.000đồng tiền lãi nhưng đề nghị ông N cho ông K một thời gian thu xếp tiền để trả và đề nghị ông N bớt tiền lãi. Khi vay tiền, vợ chồng ông K đưa cho ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) U 017758 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Bùi Văn L do vợ chồng ông K bà Th nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn L có xác nhận của UBND xã Cư Prao chưa làm thủ tục sang nhượng. Ông K yêu cầu ông N phải trả cho ông GCNQSDĐ nói trên.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX, Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đồng tiền gốc và 10.677.000đồng tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/04/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi 13.823.000đồng. Nguyên đơn phải trả lại GCNQSD đất cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn (ông Nhữ Văn N) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Th) phải trả tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn bà Th, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức L, bà Trần Thị A, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn Ph vắng mặt tại địa phương, không đăng ký tạm vắng và cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho chính quyền địa phương nên không xác định được địa chỉ hiện nay. Ông K đã cam kết thông báo nội dung vụ án cho bà Th biết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông K, bà Tho và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 13.823.000đồng. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút 13.823.000đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai cứ và hòa giải và niêm yết hợp lệ. Nhưng ông Nguyễn Văn K bà Bùi Thị Th, ông Bùi Đức L, bà Trần Thị A, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn Ph vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai của bà Tho, ông L, bà A, anh T, anh Ph, không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy vay tiền ngày 01/4/2015, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 26.700.000đồng để tiêu dùng và đầu tư mía, thời hạn trả sau tháng 12 (thu hoạch mía sẽ trả), bà Tho thế chấp cho ông Nam GCNQSDĐ U 017758 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Bùi Văn Long. Cùng ngày, bà Th vay thêm của ông N 3.300.000đồng. Tổng cộng bà Th vay của ông N 30.000.000đồng. Khi vay, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền.

Ông K là chồng bà Th, ông K biết bà Th vay của ông N số tiền như trên để tiêu dùng và đầu tư mía, có thể chấp cho ông Nam 01 GCNQSDĐ đất. Do bà Th đi làm ăn xa, chỉ liên lạc về nhà bằng điện thoại của người khác, ông K đã cam kết thông báo cho bà Tho biết nội dung khởi kiện của ông Nam. Ông K đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng yêu cầu giảm tiền lãi. Đồng thời ông K yêu cầu nguyên đơn phải trả lại GCNQSDĐ đất như trên. Như vậy việc bà Th vay tiền như trên của ông N nhằm mục đích phục vụ cho gia đình là có thật, ông K phải cùng có nghĩa vụ chung với bà Th.

Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 30.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 01/4/2015.

[2.2] Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ và thời gian trả nợ, nên cần buộc bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về thời gian tính lãi: Theo giấy vay tiền và lời khai của các đương sự thì thời hạn trả là sau tháng 12/2015 nhưng không xác định rõ ngày trả. Nguyên đơn cho rằng thời hạn bị đơn phải trả tiền đầu tư mía là trong vụ thu hoạch mía năm 2015-2016. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 01/4/2016 (cuối vụ thu hoạch mía) là có căn cứ, HĐXX cần chấp nhận.

Về mức tính lãi: Nguyên đơn trình bày khi viết giấy vay tiền hai bên đã thỏa thuận mức lãi vay trong hạn là 20%/năm, do bị đơn không tham gia hòa giải và xét xử nên không có căn cứ xác định việc thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn nên ông Nam chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc tương ứng thời gian chậm trả từ ngày 01/04/2016 đến ngày xét xử 25/10/2019 (03 năm 6 tháng 24 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: $(30.000.000\text{đồng} \times 10\%) \times 1.299 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 10.677.000\text{đồng}$.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi là 40.677.000đồng.

[2.3] Việc bị đơn thế chấp cho nguyên đơn GCNQSDĐ U 017758 do

UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Bùi Văn L diện tích 11343m² tại thửa 47 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại thôn 8 xã Cư Pao (Ông L đã chuyển nhượng cho bị đơn nhưng chưa làm thủ tục sang tên, không có ai tranh chấp) không làm thủ tục theo quy định, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn nên cần chấp nhận.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức L, bà Trần Thị A, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn Ph là những người trong một hộ gia đình, hiện nay không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể thu thập chứng cứ và lấy lời khai được. Không ai có ý kiến và tranh chấp gì đối với hộ gia đình ông L nên HĐXX không đề cập xử lý.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch 40.677.000đồng x 5% = 2.034.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; khoản 1 Điều 228 và Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 468; Điều 688 và Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; các khoản 1, 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nhữ Văn N: buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Th phải trả cho ông N số tiền 40.677.000đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*) theo giấy vay tiền ngày 01/4/2015. Bao gồm 30.000.000đồng nợ gốc và 10.677.000đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi 13.823.000đồng.

3. Ông Nhữ Văn N phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 017758 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Bùi Văn L diện tích 11343m² tại thửa 47 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại thôn 8 xã C.

4. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị Th phải chịu tiền án phí DSST có giá ngạch 2.034.000đồng (*Hai triệu không trăm ba mươi tư ngàn đồng*).

- Trả lại cho ông Nhữ Văn N 1.363.000đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006237 ngày 05/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Hải